

# MỘT SỐ LOÀI THUỘC HỌ THẦU DẦU (EUPHORBIACEAE) MỚI ĐƯỢC PHÁT HIỆN BỔ SUNG CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

NGUYỄN NGHĨA THỊ

Từ năm 1967—1987, nghiên cứu họ Thầu Dầu ở Việt Nam chúng tôi đã phân tích trên 15.000 mẫu vật lưu trữ tại các Tập mẫu cây khô của trường đại học Tổng hợp Hà Nội (HNU), của Viện Khoa học Việt Nam tại Hà Nội (HN) và tại thành phố Hồ Chí Minh (HM), của viện Điều tra qui hoạch rừng (HNF), của viện Dược liệu tại Hà Nội (HNPM), của trường đại học Dược Hà Nội (HNI). Kết quả là chúng tôi đã phát hiện ra nhiều loài mới cho thế giới và cho Việt Nam. Trong bài này chúng tôi chỉ giới thiệu 12 loài mới được phát hiện bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam.

1. *Andrachne clarkei* Hook.f., 1887 Fl. Brit. Ind. V : 285.

Typus: India, Manipur, Kohima, 1650m alt., Clarke.

Cây thảo hay nửa bụi, mọc dưới các rừng thưa ở độ cao 1500—1650m trên mặt biển. Phân bố chung: Ấn Độ và Việt Nam (Hoàng Liên Sơn, Sa Pa, dãy núi ở Sông Tà Van, VIII. 1930, Petelot—6484, HM)

2. *Blachia pentzii* (Muell. Arg.) Benth., 1878 Journ. Linn. Soc. 17 : 226. — *Cochlospermum pentzii* Muell. Arg., 1866 in DC., Prodr. XV (2): 1118.

Typus: China, Pentz (in hb. Thunb., nupe in hb. upsal)

Cây bụi hay gỗ bé, ưa ẩm và chịu bóng, thường mọc dưới tán rừng dọc theo các thung lũng hay khe suối của núi đá vôi. Phân bố: Trung Quốc và Việt Nam (Bắc Thái, Đại từ, Vĩnh Linh, 10. 11. 1965, Đoàn điều tra Việt—Trung, 4679 H; Vĩnh Phú, Lập Thạch, Tam Đảo, 10. X. 1962, Đoàn điều tra Việt—Trung, 466 H; Hà Sơn Bình, Lạc Thủy, Phú Thành, VII. 1983 Nguyễn Nghĩa Thìn, NT-8372, 83729, HNU; ibid. VII. 1984, Nguyễn Nghĩa Thìn, NT-84732, HNU; ibid. V. 1985, Nguyễn Nghĩa Thìn, NT-1742, HNU).

3. *Euphorbia chrysocoma* Levl. 1914 Fl. Kouy-Tcheou: 115.

Typus: China, Kouy-Scheou

Cây thảo, ưa ẩm, ưa mùn, ưa ánh sáng và khi hậu mát, thường mọc ở độ cao trên 1500m trên mặt biển. Phân bố: Trung Quốc và Việt Nam (Hoàng Liên Sơn, Sa Pa, VII. 1936, Petelot, 1385, HNU, HM; ibid., 14. IV. 1964, Sâm, HNU; ibid. 1964. s.n. HNU)

4. *Euphorbia lathyris*: L. 1753 Sp. Pl.: 655

Typus: Italiae ?

Cây thảo, nguồn gốc có thể ở Trung Mỹ, nay được trồng ở nhiều nơi: Mexico, Peru, Italia, Australia, Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam (*Hoàng Liên Sơn*, Sa Pa, 17.XI.1960, Chuyên, Đồng, l.ộ s.n. HNI, 6, VII. 1964, Chi, Điện, s.n. HNU; XII. 1964, đoàn điều tra Việt—Trung, 2993. HN)

5. *Glochidion hongkongense* Muell. Arg., 1863 *Linnaea* 32: 60.

Typus: Prope Hongkong, Hance, n. 544 (in hb. Vindob. Wright)

Cây gỗ nhỏ, ưa ẩm và ưa sáng, mọc dọc theo các bờ ruộng, ven rừng và ven suối. Phân bố: nam Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam (*Bắc-Thái*, Đại Từ, Kỳ Phú, 1967, Nguyễn Nghĩa Thìn, s.n., HNU)

6. *Mallotus esquirolii* Levl., 1911 *Fedde Repert.* 9: 327.

Typus: China, Kweichow, Esquirol, 898.

Cây bụi hay gỗ nhỏ, ưa ẩm và ưa râm, thường mọc trên vách núi đá vôi. Phân bố: nam Trung Quốc và bắc Việt Nam (*Hà Sơn Bình*, Lạc Thủy, Phú Thành VII. 1983, Nguyễn Nghĩa Thìn, NT—83764, 83712. HNU; VII.1984, Nguyễn Nghĩa Thìn, NT—84749—84750, HNU).

*Mallotus oreophilus* Muell. Arg. 1865 *Linnaea* 34: 188.

Typus: Sikkim, Hooker n. 5 (in hb. Orient. Ind.)

Cây gỗ, ưa sáng và ưa khí hậu mát, thường mọc trong rừng thứ sinh ở độ cao trên 1500m trên mặt biển. Phân bố: Ấn Độ, nam Trung Quốc và Việt Nam (*Hoàng Liên Sơn*, Sa Pa, IV. 1926, Petelot, 1636, HM; VIII. 1943, Petelot, 8505, HM).

8. *Mallotus nana* Airy Shaw 1968 *Kew Bull.* 21: 308. — *Coelodiscus thorelli* Gagnep. 1923 *Not. Syst.* 4: 31.

Typus: Cambodge, Stungtreng, Thorel s.n. (Iso—HM :)

Cây nửa bụi lùn, ưa ẩm và ưa sáng, thường mọc ven rừng hay trên sa van. Phân bố: Campuchia và Việt Nam (*Gia Lai-Kon Tum*, Cheo Reo, A Yang Pa, V. 1978, Phan Kế Lộc, P—2905, HNU; *Đắc Lắc*, Krông Pac, Hòa Phong, I. IV. 1979, Tân, 122, HNU).

9. *Mallotus pallidus* (Airy Shaw) Airy Shaw 1978 *Kew Bull.* 32: 78. — *M. philippinensis* var. *pallida* Airy Shaw 1972 *l.c.* 26 (2): 300.

Typus: Siam, Rachaburi, Sam Roi Yawt, Prachuap, 10. Nov. 1929, Put 2489 (K)

Cây gỗ nhỏ, ưa sáng và đất có can xi, có khả năng chịu hạn, thường mọc trên sườn núi đá vôi trống nhiều ánh sáng hoặc ở đỉnh núi. Phân bố: Thái Lan và Việt Nam (*Hà Sơn Bình*, Lạc Thủy, VII. 1983, Nguyễn Nghĩa Thìn, NT—83741, HNU; 5.VII. 1984, Nguyễn Nghĩa Thìn, NT—85783; HNU)

10. *Mallotus ustulatus*. (Gagnep.) Airy Shaw 1968 *Kew Bull.* 21: 381. — *Coelodiscus ustulatus* Gagnep., 1923 *Not. Syst.* 4: 52.

Typus: Cambodge, pr. Samronglong, V. 1870, Pierre (Iso—HM :)

Cây bụi hay gỗ nhỏ, ưa sáng và có khả năng chịu hạn, mọc trong rừng thường xanh, rừng rụng lá hay sa van—cây bụi. Phân bố: Campuchia và Việt Nam (*Gia Lai-Kon Tum*, Măng Giang, Đắc Đoa, ven đồi, 1. VII. 1978, Bình, B—361, HNU; *Liên Giang*, Phú Quốc, Pierre, s.n., HM)

11. *Mallotus yunnanensis* Pax 1914 in Engl., *Pflanzenr.* IV. 147. VII: 188

Syntypi: China, Yunnan, Mentze, in Waldern, 1500m, Henry, 10794, 1361

Cây gỗ nhỏ, ưa sáng và ẩm, có khả năng chịu bóng, thường mọc trên sườn đá vôi. Phân bố: Trung Quốc và Việt Nam (*Hà Sơn Bình, Lạc Thủy, gần trung tâm ngô giống Sông Bôi*, 5. VII. 1984, Đỗ Ngọc Dư, Nguyễn Nghĩa Thìn, NT 34718-84719, HNU)

12. *Sauropus hirsutus* Beille 1927 in Lecomte, Fl. Gen. Indoch. V: 657.

Syntypi: Cambodge, Stungtreng, Thorel, s.n. (Iso-HM), Samrongtong, Pieris s.n., Couderc, s.n.

Cây thảo hay nửa bụi, ưa sáng, thường mọc trên savan hay trong rừng thối lá rộng rụng lá. Phân bố: Campuchia và Việt Nam (*Gia Lai - Kon Tum*, 16. 1978, Phan Kế Lộc, P-3673, HNU)

#### Tài liệu tham khảo

1. Airy Shaw H.K., 1968—Kew Bull. 2 : 308—381; 1972—l.c. 26 (2) 191—36 1978—l.c. 32: 78.
2. Croizat L., 1942—Journ. Arn. Arb. 23: 29—54.
3. Gagnepain F. et F. Beille, 1925—1927—In Lecomte, Fl. Gen. Indoch. 229—673. Paris.
4. Hooker J.D. 1887—Fl. Brit. Ind. V. London.
5. Lévillé H., 1914—Fl. Kouy—Tcheco: 115.
6. Mueller Argoviensis J., 1866—In DC., Prodrum XV (2): 1286p. Parisi
7. Pax F. und K. Hoffmann, 1910—1924—In Engler, Pflanzenreich IV. 147
8. Phạm Hoàng Hộ, 1970—Cây cỏ Miền Nam Việt Nam. In lần thứ 2, có sửa chữa và bổ sung. 1: 387—474. Sài Gòn.

NGUYEN NGHIA THIN

#### SOME NEW FOR THE VIETNAMESE FLORA SPECIES OF THE FAMILY EUPHORBIACEAE

In this paper 12 new for the Vietnamese flora species of the family Euphorbiaceae have been presented, such as *Andrachne clarkei* Hook.f., *Blachia pentz* (Muell. Arg.) Benth., *Euphorbia chrysocoma* Levl., *E. lathyris* L., *Glochidion hongkongense* Muell. Arg—*Mallotus esquirolii* Levl., *M. oreophilus* Muell. Arg *M. nana* Airy Shaw., *M. pallidus* (Airy Shaw) Airy Shaw, *M. ustulatus* (Gagnepain) Airy Shaw, *M. yunnanensis* Pax and *Sauropus hirsutus* Beille.

Bộ môn Thực vật học  
Trường Đại Học Tổng hợp Hà Nội

Nhận bài ngày 20—2—1981